TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2025/DS-PT
Ngày: 19/02/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái

Ông Đặng Văn Cường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Lài - Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa***: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 266/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T– sinh năm 1965;
Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H- sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ H1– sinh năm 1981;
Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1: Ông Lê Văn H2– sinh năm 1981;
Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết và có nhiều lần cho mượn tiền. Ngày 26/6/2022, bà Trần Thị Mỹ H1 xác nhận có nợ của bà T số tiền 1.226.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu đồng) để làm ăn và có lập Giấy mượn tiền ngày 26/6/2022 và hẹn đến tháng 12/2022 sẽ trả hết tiền. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà H1 không có thiện chí nên yêu cầu bà H1 phải trả cho tôi số tiền gốc 1.226.000.000 đồng và tiền lãi là 71.230.600 đồng. Đây là khoản vay riêng của bà và bà H1nên bà chỉ yêu cầu một mình bà H1 trả. Tại phiên tòa, bà T xác định lại yêu cầu về tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử từ ngày 01/01/2023 đến 29/8/2024 với lãi suất 0,83%/tháng là 19 tháng 29 ngày tương ứng với số tiền là 1.226.000.000 đồng x 19 tháng 29 ngày 0,83%/tháng = 203.177.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà H1phải trả cho bà Tlà 1.429.177.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Mỹ H1 trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc T căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 26/06/2022 để khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Mỹ H1 trả 1.226.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi nợ quá hạn tạm tính là không có căn cứ. Bà H1 xác định không có vay, mượn số tiền này của bà T. Bà H1 là người không biết đọc, biết viết, không biết ký. Nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 161; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc buộc bà Trần Thị Mỹ H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền tổng cộng là

1.429.177.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu nghìn một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 54.875.000 đồng (Năm mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 12/10/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp số tiền 25.458.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0016725 ngày 12/10/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Nay chuyển thành 25,458.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền bà Tcòn phải nộp là 29,417.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: bà Trần Thị Mỹ H 14.910.000 đồng chi phí giám định (bà H1 đã nộp đủ).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị y án sơ thẩm.
- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã La Gi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền gốc 1.226.000.000 đồng và tiền lãi là 203.177.000 đồng; tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 1.429.177.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 26/6/2022 có nội dung: "*...Người cho mượn Nguyễn Thị Ngọc Tcó cho bà Trần Thị Mỹ H143 tuổi thôn L, Tvới số tiền là 1.226.000.000 (một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu). Tôi hứa sẽ trả 500.000.000 trước đến tháng 11/2022 sẽ trả tiếp 1.226.000.000 vào 12/2022...*", nội dung giấy là do bà T ghi lập, có dấu lăn tay của bà H1.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận Từ trước đến nay bà Trần Thị Mỹ H1 có nhiều lần vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc T do bà Trần Thị Mỹ H1 không biết chữ nên khi vay các bên không làm giấy tờ gì, khi giao tiền cho bà H1 thì bà T quay lại các đoạn video để làm bằng chứng. Khi cho vay hai bên thừa nhận có lãi và thỏa thuận lãi suất được trả trước, trừ vào số tiền vay gốc khi nhận tiền vay. Ví dụ: Bà H1 vay 500.000.000 đồng, thì bà Tđưa số tiền 450.000.000 đồng, còn số tiền 50.000.000 đồng là tiền lãi cho khoản vay. Hình thức trả là bà H1 trả góp theo ngày cho đến khi đủ số tiền 500.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng lãi suất 6%/tháng, còn bị đơn cho rằng mỗi ngày góp 20.000.000 đồng, như vậy góp trong vòng 25 ngày; lãi suất là 2.000.000 đồng/ngày.

[2.2] Về các giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp.

Nguyên đơn cho rằng do bà Trần Thị Mỹ H1vay tiền của bà nhưng không trả và có dấu hiện trốn tránh. Vào ngày 26/6/2022, khi gặp bà H1 trên đường thì yêu cầu đến Công an xã Tthị xã Lđể giải quyết. Tại Công an xã Tlà chốt sổ và làm giấy mượn tiền cho bà H1lăn tay xác nhận số nợ gồm 01 giấy 500.000.000 đồng và 01

giấy 1.226.000.000 đồng, việc lập 02 giấy cùng một ngày là do số tiền lớn nên bà H1yêu cầu viết thành 02 giấy để chia nhỏ khoản vay ra để tiện thanh toán. Bà H1cũng thừa nhận ngày 26/6/2022, có cùng bà Tcùng một số người khác đến công an xã Tđể làm việc, tuy nhiên tại công an xã Tbà chỉ lăn tay vào 01 giấy mượn tiền đối với số tiền 500.000.000 đồng (đã được Tòa án nhân dân thị xã La Gi giải quyết tại Quyết định số 45/2023/QĐST -DS ngày 19/7/2023).

Ngoài ra, tại biên bản xác minh biên bản xác minh ngày 26/8/2024 đối với ông Nguyễn Thanh Plà lực lượng dân phòng xã T, thị xã Lxác định: Vào ngày 26/6/2022 bà Tvà bà H1có đến Công an xã Tđể nhờ giải quyết tranh chấp vay mượn giữa 02 bên, sau một hồi tranh cãi qua lại thì bà H1 có xác định còn nợ bà Tsố tiền 500.000.000 đồng. Sau khi viết xong thì nhờ ông đọc lại giấy mượn tiền đề ngày 26/6/2022 với nội dung bà H1 xác nhận còn nợ của bà Tsố tiền 500.000.000 đồng và hứa trả vào tháng 11/2022; ngoài ra không lập văn bản nào khác. Nội dung giấy mượn tiền cùng đề ngày 26/6/2022 với nội dung xác nhận bà H1mượn cuả bà Tsố tiền 1.226.000.000 đồng thì ông không biết lập khi nào, ở đâu vì ông không chứng kiến.

Mặt khác, nội dung giấy mượn tiền đề ngày 26/6/2022 đối với số tiền 1.226.000.000 đồng cũng có sự mâu thuẫn, cụ thể: "Người cho mượn Nguyễn Thị Ngọc T có cho bà Trần Thị Mỹ H1 43 tuổi thôn L, Tvới số tiền là 1.226.000.000 (một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu). Tôi hứa sẽ trả 500.000.000 trước đến tháng 11/2022 sẽ trả tiếp 1.226.000.000 vào 12/2022" . Như vậy, nội dung xác định bà H1 mượn số tiền 1.226.000.000 đồng; hứa sẽ trả 500.000.000 đồng trước tháng 11/2022, thì số tiền còn lại phải trả trong tháng 12/2022 chỉ còn là 726.000.000 đồng. Do đó, nội dung *"...trả tiếp 1.226.000.000 vào 12/2022..."* là không phù hợp.

Từ đó, có căn cứ để cho rằng vào ngày 26/6/2022, tại công an xã T thị xã Lgiữa bà Tvới bà H1chỉ xác nhận 01 giấy mượn tiền với số tiền 500.000.000 đồng

[2.3] Tại biên bản đối chất ngày 10/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T thừa nhận có cho bà H1vay nhiều lần, thỏa thuận khi vay trả lãi trước và bà H1có trách nhiệm trả góp theo ngày. Do bà H1không biết chữ nên khi đưa tiền thì bà Tquay lại video để làm bằng chứng, đồng thời trong quá trình vay mượn khi bà H1 trả góp theo ngày thì bà Tsẽ mở sổ theo dõi và bà Tcho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất là khoảng 6%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Tkhông cung cấp

được các tài liệu chứng cứ, chứng minh cho việc bà H1còn nợ số tiền 1.226.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở xác định bà Trần Thị Mỹ H1còn nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc Tsố tiền 1.226.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nên yêu cầu tính lãi cũng không có căn cứ.

[4] Từ phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DSST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2024/DSST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

2. ***Áp dụng:*** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí lệ phí Tòa án.

3. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Tvề việc buộc bà Trần Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tổng số tiền vay còn thiếu là 1.429.177.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 54.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 12/10/2023 bà T đã nộp số tiền 25.458.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016725 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi, nay được chuyển thành án phí. Số tiền bà T phải tiếp tục nộp là 29.417.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011809 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

5. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/02/2025).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thị xã La Gi;
- VKSND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Hòa